

Số: 376 /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày 28 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH BẮC GIANG	
ĐẾN SỐ: 8009	Ngày: 29/11/2023
Chuyển TC. Kế hoạch 14. HĐND tỉnh	

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Chương trình kỳ họp thứ 14, HĐND tỉnh khoá XIX, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố (thay thế Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND¹, Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND²), như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015³; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố⁴.

2. Cơ sở thực tiễn

- Sau thời gian triển khai thực hiện Nghị quyết 45/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết 27/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, đến nay cử tri trong tỉnh có nhiều ý

¹ Ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

² Ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 và Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị Quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

³ Khoản 1 Điều 27 quy định "HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên".

⁴ Khoản 3 Điều 34 quy định "HĐND tỉnh quy định một số nội dung sau: Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kiêm nhiệm và chế độ kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị-xã hội ở cấp xã".

kiến đề nghị tăng mức phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố do mức phụ cấp, bồi dưỡng còn thấp nên khó khăn trong việc tuyển chọn, bố trí sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố;

- Tại thôn, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình lớn nhưng chỉ được bố trí 01 phó thôn, tổ dân phố nên khi triển khai chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước gặp khó khăn. Sau khi đánh giá kết quả thực hiện 02 Nghị quyết trên, một số huyện đề nghị tăng thêm số lượng phó thôn, tổ dân phố ở những thôn có từ 350 hộ trở lên, tổ dân phố có từ 500 hộ trở lên. Vì vậy, cần thiết xem xét, quyết định cho phù hợp với tình hình tổ chức, hoạt động ở thôn, tổ dân phố;

Từ căn cứ pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (để thay thế các Nghị quyết hiện hành) là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Quy định chi tiết khoản 3, Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản trong hệ thống pháp luật.

Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Bảo đảm tính minh bạch trong quy định của văn bản.

Bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện; phù hợp điều kiện ngân sách địa phương.

Bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản.

Kế thừa một số nội dung của các Nghị quyết hiện hành còn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương⁵.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn lập hồ sơ xin chủ trương Thường trực Tỉnh ủy và hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trình Thường trực HĐND tỉnh.

⁵ Khoản 5, Điều 3, Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND “Người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố được làm thêm không quá 02 công việc khác nữa và được hưởng 100% mức bồi dưỡng của công việc đó”. Mục đích để tăng thu nhập và giảm số lượng người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

2. Thực hiện Thông báo số 1981-TB/TU ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Thường trực Tỉnh uỷ và Công văn số 873/HĐND-CTHĐND ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Thường trực HĐND tỉnh về chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn liên quan xây dựng dự thảo nghị quyết và thực hiện đầy đủ quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Dự thảo nghị quyết đã được UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét thông qua; Ban Pháp chế thẩm tra theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục, nội dung cơ bản của dự thảo nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 07 Điều với các nội dung chính sau

1.1. Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh

Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kiêm nhiệm và phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

- Đối tượng áp dụng

Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

1.2. Điều 2. Chức danh, mức phụ cấp từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. So với Nghị quyết hiện hành giảm 03 chức danh gồm: Phó trưởng công an xã, thị trấn; Công an viên xã, thị trấn (Phó ban bảo vệ dân phố đối với phường); Trưởng ban Thanh tra nhân dân (*Biểu 1 kèm theo*).

Lý do: Thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành⁶.

1.3. Điều 3. Mức phụ cấp từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (*Biểu 2 kèm theo*)

1.4. Điều 4. Mức hỗ trợ người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố (*Biểu 3 kèm theo*)

1.5. Điều 5. Kiêm nhiệm và mức phụ cấp kiêm nhiệm

- Kiêm nhiệm:

+ Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm 01 chức danh không chuyên trách ở cấp xã hoặc ở thôn, tổ dân phố;

⁶ Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy "Mỗi xã, thị trấn bảo đảm có các chức danh: Trưởng công an, Phó trưởng công an, Công an viên là công an chính quy". Khoản 2 Điều 37 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 quy định "Thành viên Ban Thanh tra nhân dân cấp xã không đồng thời là cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố".

+ Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm thêm không quá 02 chức danh không chuyên trách khác ở cấp xã;

+ Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thêm 01 chức danh không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố hoặc kiêm nhiệm thêm không quá 02 công việc của người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;

+ Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thêm không quá 02 công việc khác của người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

- Mức phụ cấp kiêm nhiệm:

Cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố khi kiêm nhiệm được hưởng 100% mức phụ cấp, mức hỗ trợ của chức danh, công việc kiêm nhiệm.

1.6. Điều 6. Nguồn kinh phí: Do Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

1.7. Điều 7. Tổ chức thực hiện

Nghị quyết thay thế các nghị quyết: Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

2. Kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, tổng ngân sách chi trả cho cấp xã và thôn, tổ dân phố là 477.526.320.000 đồng; trong đó: cấp xã là 84.240.000.000 đồng; thôn, tổ dân phố là 393.286.320.000 đồng (*ngân sách Trung ương bảo đảm 216.140.400.000 đồng; ngân sách tỉnh 177.145.920.000 đồng, tăng 62.000.000.000 đồng (sáu mươi hai tỷ đồng) so với thực hiện theo Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND*)

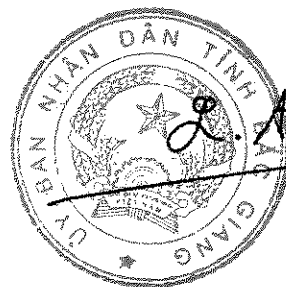
UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết để triển khai thực hiện.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết và các tài liệu có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ánh Dương

BIỂU 1
CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP TỪNG CHỨC DANH NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ
 (Kèm theo Tờ trình số 376/TTr-UBND ngày 28/11/2023 của UBND tỉnh)

Số TT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở)		
		Cấp xã loại 1	Cấp xã loại 2	Cấp xã loại 3
1	Văn phòng Đảng ủy	1.40	1.20	0.99
2	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy	1.35	1.18	0.99
3	Phó Ban Tổ chức Đảng ủy	1.35	1.18	0.99
4	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1.40	1.18	0.99
5	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1.35	1.18	0.99
6	Phó Chủ tịch Hội Nông dân ở xã, thị trấn (Trưởng Ban bảo vệ dân phố ở phường)	1.35	1.18	0.99
7	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1.35	1.18	0.99
8	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	1.35	1.18	0.99
9	Đài truyền thanh	1.25	1.15	0.85
10	Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự	1.40	1.18	0.99
11	Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ	1.40	1.18	0.99
12	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	1.40	1.18	0.99
13	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	1.40	1.18	0.99
14	Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0.65	0.47	0.47

BIỂU 2

MỨC PHỤ CẤP TỪNG CHỨC DANH NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

(Kèm theo Tờ trình số 476/TTr-UBND ngày 28/11/2023 của UBND tỉnh)



Số TT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở)	
		Thôn từ 350 hộ trở lên, tổ dân phố từ 500 hộ trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự	Thôn, tổ dân phố còn lại
1	Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố	1,4	1,3
2	Trưởng thôn, tổ dân phố	1,4	1,3
3	Trưởng ban CTMT thôn, tổ dân phố	1,0	0,9

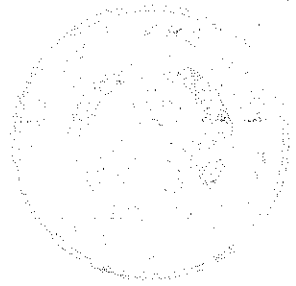


BIỂU 3

MỨC HỖ TRỢ NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

(Kèm theo Tờ trình số 326/TTr-UBND ngày 28/11/2023 của UBND tỉnh)

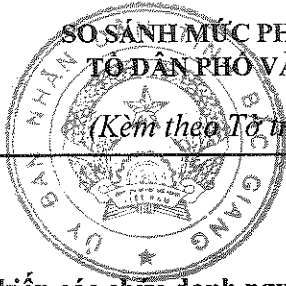
Số TT	Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố	Mức hỗ trợ hàng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở)	
		Thôn từ 350 hộ trở lên, tổ dân phố từ 500 hộ trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự	Thôn, tổ dân phố còn lại
1	Phó Trưởng thôn (Phó Tổ trưởng tổ dân phố)	1,0	0,9
2	Công an viên (bán chuyên trách) ở thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn (Bảo vệ dân phố ở tổ dân phố thuộc phường)	1,0	0,9
3	Thôn (tổ) đội trưởng	0,7	0,6
4	Nhân viên y tế và Dân số	0,5	0,4
5	Phó Bí thư chi bộ	0,45	0,35
6	Chi hội trưởng Chi hội Nông dân	0,35	0,33
7	Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ	0,35	0,33
8	Bí thư chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh	0,35	0,33
9	Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh	0,35	0,33
10	Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi	0,35	0,33



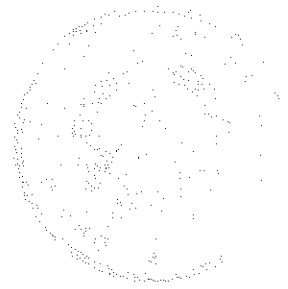
Biểu số 2

SƠ SÁNH MỨC PHỤ CẤP, HỖ TRỢ CHO NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ VÀ NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

(Kèm theo Tờ trình số 326/TTr- UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh)

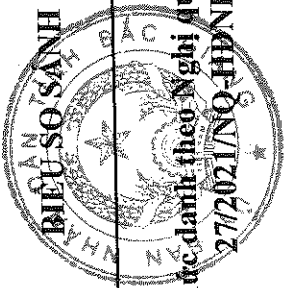


	Dự kiến các chức danh người HĐKCT và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp, hỗ trợ hiện hưởng theo Nghị quyết 45/2019/NQ-HĐND của HĐND (hệ số/tháng)		Dự kiến mức phụ cấp, hỗ trợ cho các chức danh theo dự thảo Nghị quyết (hệ số/tháng)	
		Thôn từ 350 hộ, TDP từ 500 hộ trở lên	Thôn dưới 350 hộ, TDP dưới 500 hộ	Thôn từ 350 hộ, TDP từ 500 hộ trở lên	Thôn dưới 350 hộ, TDP dưới 500 hộ
I	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, TDP				
1	Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố	1.0	0.9	1.4	1.3
2	Trưởng thôn, tổ dân phố	1.0	0.9	1.4	1.3
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận	0.7	0.6	1.0	0.9
II	Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố				
1	Phó thôn, Tổ phó TDP	0.7	0.6	1.0	0.9
	Phó thôn, Tổ phó TDP (chỉ bố trí thêm ở thôn, TDP lớn)			1.0	
2	Công an viên ở thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn (Bảo vệ dân phố ở tổ dân phố thuộc phường)	0.7	0.6	1.0	0.9
3	Thôn (tổ) đội trưởng	0.5	0.4	0.7	0.6
4	Nhân viên y tế và Dân số	0.5	0.4	0.5	0.4
5	Phó Bí thư chi bộ	0.25	0.23	0.45	0.35
6	Chi hội trưởng Chi hội Nông dân	0.23	0.21	0.35	0.33
7	Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ	0.23	0.21	0.35	0.33
8	Bí thư chi đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	0.23	0.21	0.35	0.33
9	Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh	0.23	0.21	0.35	0.33
10	Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi	0.23	0.21	0.35	0.33
III	Tổng hệ số khoán quỹ phụ cấp, hỗ trợ cho 01 thôn, TDP	6.5	5.68	10.2	8.3



BIỂU SƠ SANH CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ

(Kèm theo Tờ trình số 326 /TT-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh)



Chức danh theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND	Mức phụ cấp cho từng chức danh theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND (hệ số/tháng)			Chức danh theo dự thảo Nghị quyết	Mức phụ cấp cho từng chức danh theo dự thảo Nghị quyết (hệ số/tháng)		
	Cấp xã loại 1	Cấp xã loại 2	Cấp xã loại 3		Cấp xã loại 1	Cấp xã loại 2	Cấp xã loại 3
Văn phòng Đảng ủy	1.0	0.9	0.7	Văn phòng Đảng ủy	1.40	1.20	0.99
Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy	0.9	0.8	0.7	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy	1.35	1.18	0.99
Phó Ban Tổ chức Đảng ủy	0.9	0.8	0.7	Phó Ban Tổ chức Đảng ủy	1.35	1.18	0.99
Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1.0	0.8	0.7	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1.40	1.18	0.99
Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	0.9	0.8	0.7	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1.35	1.18	0.99
Phó Chủ tịch Hội Nông dân ở xã, thị trấn	0.9	0.8	0.7	Phó Chủ tịch Hội Nông dân ở xã, thị trấn (Trưởng ban bảo vệ dân phố ở phường)	1.35	1.18	0.99
Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	0.9	0.8	0.7	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1.35	1.18	0.99
Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	0.9	0.8	0.7	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	1.35	1.18	0.99
Đài truyền thanh-Quản lý văn hóa, Thông tin, thể thao	1.0	0.9	0.7	Đài truyền thanh	1.25	1.15	0.85
Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự	1.0	0.8	0.7	Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự	1.40	1.18	0.99
Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ	0.9	0.8	0.7	Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ	1.40	1.18	0.99
Chủ tịch Hội Người cao tuổi	1.0	0.8	0.7	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	1.40	1.18	0.99
Chủ tịch Hội chữ thập đỏ	1.0	0.8	0.7	Chủ tịch Hội chữ thập đỏ	1.40	1.18	0.99
Phó Chủ tịch Hội người cao tuổi	0.4	0.3	0.3	Phó Chủ tịch Hội người cao tuổi	0.65	0.47	0.47
Phó Trưởng Công an xã, thị trấn (Trưởng ban Bảo vệ dân phố đối với phường)	1.0	0.9	0.7	Không bố trí			
Trưởng ban Thanh tra nhân dân	1.0	0.8	0.7	Không bố trí			
Công an viên đối với xã, thị trấn (Phó ban bảo vệ dân phố đối với phường)	0.9	0.8	0.7	Không bố trí			
Cộng	15.6	13.4	11.5		18.4	15.8	13.2
BHXH&BHYT	2.4	2.2	1.8		2.6	2.2	1.8
Tổng hệ số khoán	18	15.6	13.3		21	18	15

